

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 339/2018/DS-PT
Ngày: 20 - 12 - 2018
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Bà Hồ Thị Thanh Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thuý Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 289/2018/QĐPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1965

Địa chỉ: Khu phố x, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn:

Bà Trần Thị H, sinh năm 1970

Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp x, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Ông M uỷ quyền cho bà H tham gia tố tụng theo Giấy uỷ quyền ngày 05/10/2018.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Đặng Hoàng M, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp x, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị H và Nguyễn Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày:

Vào ngày 27/7/2017 bà Trần Thị H có vay của bà số tiền là 1.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, khi vay bà H có làm giấy nhận nợ do chính bà H viết, lãi suất thoả thuận là 6%/tháng. Sau khi vay xong thì bà H có đóng lãi được 3 tháng (1/2 tháng đóng một lần), lần cuối đóng lãi là ngày 09/11/2017, ba tháng đóng lãi được tổng cộng là 180.000.000 đồng. Mỗi lần đóng lãi là do ông Đặng Hoàng M giao cho bà và có ký tên vào giấy do bà giữ, bà có nộp cho Toà án.

Vào ngày 06/11/2017 bà H gọi điện thoại hỏi vay 200.000.000 đồng, hai ngày trả và có nhắn tin là bà H nhờ Đặng Hoàng M nhận, khi Đặng Hoàng M đến nhận tiền thì làm giấy nhận nợ cho bà, Đặng Hoàng M là người trực tiếp viết vào giấy nợ giao bà giữ. Sau khi nhận tiền xong thì bà H đã đóng lãi 01 tháng số tiền là 6.000.000 đồng, sau đó đến tháng 03/2018 bà H có đưa cho bà số tiền là 5.000.000 đồng. Như vậy, đối với số tiền vay 200.000.000 đồng thì bà H đã trả lãi là 11.000.000 đồng.

Nay bà M yêu cầu bà Trần Thị H cùng chồng là Nguyễn Văn M phải trả cho bà số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng. Đối với phần tiền lãi thì bà yêu cầu Toà án tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày xác lập hai hợp đồng vay tài sản nói trên cho đến ngày Toà án xét xử.

Đối với tổng số tiền lãi đã nhận từ bà H thì bà đồng ý xem xét lại theo như ý kiến của bà H và bà yêu cầu bà H còn phải trả tiền lãi tính đến ngày Toà án xét xử là 79.000.000 đồng.

Bản tự khai ngày 06/6/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:

Trước đây từ năm 2014 cho đến năm 2018 giữa bà và bà M có quan hệ làm ăn vay tiền rất nhiều lần. Đối với hai khoản tiền vay mà bà M kiện thì bà thừa nhận hiện tại còn nợ bà M số tiền vốn vay là 1.200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thoả thuận là 6%/tháng. Đối với khoản tiền lãi đã trả thì đề nghị Toà án xem xét lại theo luật định. Ngoài ra, bà còn yêu cầu xem xét lại tất cả số tiền lãi đã nộp cho bà M từ năm 2014 đến năm 2018.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đặng Hoàng M trình bày:

Đối với giấy nợ vay số tiền 200.000.000 đồng thì anh chính là người nhận tiền vay giùm cho cho bà H, còn số tiền lãi đã đóng cho bà M thì đúng như giấy mà bà M đã nộp cho Toà án.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả cho chị số tiền là 1.279.000.000 (một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu) đồng, trong đó tiền vốn 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 79.000.000 đồng.

2. Buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả chi phí giám định cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền 2.395.000 (hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/10/2018 bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn bà H trình bày: Bà và ông M giữ nguyên kháng cáo yêu cầu được trả dần số nợ trên hàng tháng với số tiền 10.000.000 đồng/tháng vì thu nhập của gia đình ông bà hiện tại chỉ khoảng 20.000.000 đồng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền là 1.279.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Anh M và chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà H và ông M, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H, ông Nguyễn Văn M và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chứng cứ nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc M khởi kiện đối với bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M là giấy nợ đề ngày 06/11/2017 và ngày 27/7/2017. Tại kết luận giám định số 108/2018/GĐTL ngày 07/7/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre đã kết luận chữ ký trong các tờ giấy này đều là của bà H, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà H cũng thừa nhận có vay tiền của chị M số tiền 1.200.000.000 đồng (Ngày 06/11/2017 vay 1.000.000.000 đồng, ngày 27/7/2018 vay 200.000.000 đồng). Do đó, có căn cứ cho rằng bà H có vay của chị M số tiền như chị M yêu cầu.

[2] Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, bà H hoàn toàn đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm về việc buộc bà và ông M phải liên đới có trách nhiệm trả cho chị M số tiền 1.200.000.000 đồng cùng với tiền lãi là 79.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà cho rằng việc yêu cầu bà thanh toán một lần số tiền trên cho phía nguyên đơn là điều không thể thực hiện được, vì số tiền quá lớn so với khả năng chi trả và thu nhập của gia đình bà hiện tại. Bà H yêu cầu được trả dần số tiền trên mỗi tháng 10.000.000 đồng do thu nhập của gia đình bà hàng tháng chỉ khoảng 20.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 05/9/2018 chị H cũng có yêu cầu được trả dần với phương thức nêu trên nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay bà tiếp tục có yêu cầu, tuy nhiên chị M không chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được trả dần số nợ trên mà yêu cầu trả một lần. Đồng thời lỗi trong giao dịch nêu trên là của chị H và Anh M, do đó cấp sơ thẩm buộc chị H và Anh M phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền vốn là 1.200.000.000 đồng là có căn cứ. Sau khi trừ đi số tiền lãi mà chị H đã trả cho chị M cao hơn mức do nhà nước quy định, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lại số tiền lãi còn lại phải trả là 79.000.000 đồng là phù hợp. Do đó, việc chị H và Anh M kháng cáo xin trả dần cho chị M là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Bà H và ông M phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 79/2018/DS-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm liên đới trả cho chị số tiền là 1.279.000.000 (một tỷ hai trăm bảy mươi chín triệu) đồng, trong đó tiền vốn 1.200.000.000 đồng, tiền lãi 79.000.000 đồng.

2. Buộc bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả chi phí giám định cho bà Nguyễn Ngọc M số tiền 2.395.000 (hai triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền chưa được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M có nghĩa vụ liên đới chịu 50.370.000 (năm mươi triệu ba trăm bảy mươi nghìn) đồng. Chị Nguyễn Ngọc M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.185.000 (Hai mươi lăm triệu một trăm tám mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0015055 ngày 10/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H và ông Nguyễn Văn M phải chịu mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019378 và 0019379

ngày 23/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Bà H và ông M đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký tên và đóng dấu)

Phạm Kim Cua